

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thơm
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn: không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phù Thanh L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp T, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Út M, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ ấp T, xã T1, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phù Thanh L trình bày: Anh và

chị Nguyễn Thị Út M thành hôn vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô ngày 04/12/2003. Thời gian vợ chồng chung sống được hơn 20 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2020 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Út M. Về con chung, anh và chị M có 02 con chung tên Phù Thị Hồng P, sinh ngày 03/7/1996 và Phù Chí B, sinh ngày 21/10/2000 hiện đã trưởng thành phát triển bình thường. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/02/2022 bị đơn chị Nguyễn Thị Út M trình bày: Chị và anh L thành hôn năm 1996 vợ chồng sống chung 27 năm lúc đầu có hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân khoảng 7 - 8 năm nay nên anh L xin ly hôn chị đồng ý. Về con chung chị và anh L có 02 con chung là Phù Thị Hồng P, sinh ngày 03/7/1996 và Phù Chí B, sinh ngày 21/10/2000 hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung chị không yêu cầu, nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Phù Thanh L và bị đơn chị Nguyễn Thị Út M có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phù Thanh L và bị đơn chị Nguyễn Thị Út M có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Anh Phù Thanh L và chị Nguyễn Thị Út M thành hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Ô ngày 04/12/2003 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống, anh Phù Thanh L và chị Nguyễn Thị Út M đều trình bày thời gian vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ vợ chồng nhiều năm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh L và chị M đến tham gia phiên hoà giải nhằm giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L, chị M đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Chứng tỏ, anh L, chị M không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh L, chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Phù Thanh L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa anh Phù Thanh L và chị Nguyễn Thị Út M có 02 con tên Phù Thị Hồng P, sinh ngày 03/7/1996 và Phù Chí B, sinh ngày 21/10/2000 hiện đã trưởng thành phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Phù Thanh L và bị đơn chị Nguyễn Thị Út M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Phù Thanh L có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phù Thanh L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phù Thanh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Út M.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Phù Thanh L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014175 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh L đã nộp đủ.
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (GCNKH số 122 ngày 04/12/2003;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Nga